

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2026/DS-ST
Ngày 08-9-2026
V/v “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Châu Thị Kiều Duyên;
2. Ông Lê Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp.

Vào ngày 08 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 339/2026/TLST-DS, ngày 23 tháng 6 năm 2026, về việc “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 489/2026/QĐXXST-DS ngày 07/8/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 477/2026/QĐST-DS ngày 24/8/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ: Số A, phố L, phường H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Dương Thị Thùy D – Phó giám đốc phòng G, tỉnh Đồng Tháp (Theo quyết định ủy quyền số 242/QĐ-NHCS ngày 21/11/2025).

Địa chỉ: đường H, khu phố B, phường H, tỉnh Đồng Tháp

- Bị đơn: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu phố B, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: khu phố B, phường H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Dương Thị Thùy D trình bày: Ngày 18/05/2010 ông Lê Văn T1 và bà Dương Thị L có vay vốn tại Chi

nhánh **Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh C - Phòng G** chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với tổng số tiền 5.000.000đồng, hạn trả cuối cùng ngày 18/07/2024. Đến nay món vay đã qua hạn trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L**, trả nợ gốc và nợ lãi tồn đọng nhưng ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L**, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Trước tình hình trên, **Ngân hàng C** làm đơn khởi kiện yêu cầu ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L**, trả dứt số tiền còn nợ tại Ngân hàng như sau: Tổng số tiền nợ: 11.260.004đồng. Trong đó, nợ gốc: 5.000.000đồng, nợ lãi: 6.260.004đồng (tính đến ngày 27/05/2026) tiếp tục tính lãi phát sinh theo khế ước số: 66000005100209901 cho đến khi trả dứt nợ.

- Bị đơn ông **Lê Văn T1**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Dương Thị L** đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà **Dương Thị Thùy D** có đơn xin vắng mặt. Bị đơn ông **Lê Văn T1**, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Dương Thị L** đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn **Ngân hàng C** về việc yêu cầu ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L**, trả dứt số tiền còn nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền 11.260.004đồng. Trong đó, nợ gốc: 5.000.000đồng, nợ lãi: 6.260.004đồng (tính đến ngày 27/05/2026) tiếp tục tính lãi phát sinh theo khế ước số: 66000005100209901 cho đến khi trả dứt nợ. Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L** có ký giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay với **Ngân hàng C** theo chương trình cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn với tổng số tiền 5.000.000đồng, hạn trả cuối cùng ngày 18/07/2024. Đến nay món vay đã quá hạn trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L** trả nợ gốc và nợ lãi tồn đọng nhưng ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc **Ngân hàng C** yêu cầu ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L** trả dứt số tiền còn nợ cho Ngân hàng với tổng số tiền 11.260.004đồng. Trong đó, nợ gốc: 5.000.000đồng, nợ lãi: 6.260.004đồng (tính đến ngày 27/05/2026) tiếp tục tính lãi phát sinh theo khế ước số: 66000005100209901 cho đến khi trả dứt nợ là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên buộc ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ngân hàng C không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 166, Điều 385, Điều 386, Điều 398, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Điều 100 Luật Tổ chức tín dụng; Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng C**.

Buộc ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L** trả cho **Ngân hàng C** tổng số tiền vay 11.260.004đồng. Trong đó, nợ gốc: 5.000.000đồng, nợ lãi: 6.260.004đồng (tính đến ngày 27/05/2026) tiếp tục tính lãi phát sinh theo khế ước số: 66000005100209901 cho đến khi trả dứt nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Buộc ông **Lê Văn T1** và bà **Dương Thị L** phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 563.000đồng.

+ **Ngân hàng C** không phải nộp tiền tạm ứng án phí, không phải chịu án phí theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Trung Nguyễn Thị Kiều D1

Nguyễn Phương T2

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phương Thảo

